

QUYẾT ĐỊNH

**V/v miễn, giảm học phí cho sinh viên K21 hệ đại học chính quy
Học kỳ I năm học 2024-2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 136/QĐ - TTg ngày 02/8/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh thuộc Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-ĐHKT&QTKD-HĐT ngày 29/4/2021 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị định 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Thủ tướng chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 964/QĐ-ĐHKT&QTKD-KHTC ngày 20/8/2024 của Hiệu trưởng của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh về việc Quy định mức thu học phí năm học 2024-2025;

Căn cứ Biên bản họp ngày 22/11/2024 của Hội đồng xét học bổng và chế độ chính sách cho HSSV hệ đại học chính quy Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh; Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2024 - 2025 cho 173 sinh viên K21 hệ đại học chính quy. Cụ thể như sau:

Miễn 100% học phí: 62 sinh viên

Giảm 70% học phí: 109 sinh viên

Giảm 50% học phí: 02 sinh viên

Tổng số tiền học phí miễn, giảm: **977.320.500đ**

(Bằng chữ: Chín trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm hai mươi ngàn năm trăm đồng)

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Thời gian sinh viên được miễn, giảm học phí trong học kỳ I năm học 2024-2025 (Từ tháng 8/2024 đến tháng 12/2024).

Điều 3. Trưởng phòng Công tác HSSV, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các Khoa/Viên, Trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Như điều 3 (để t/h);
- Lưu VT, CTHSSV.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đinh Hồng Linh

**DANH SÁCH SINH VIÊN K21 ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số 1484/ĐHKT&QTKD-CTSV ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh)

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ miễn, giảm	Số tiền học phí/tháng (đ)	Số tháng miễn giảm	Số tiền (đ)	Ghi chú
1	DTE2453403010297	Bế Hoàng Huyền Dịu	06/08/2006	K21 - Kế toán 1	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
2	DTE2453403010295	Đinh Thị Phụng	27/06/2006	K21 - Kế toán 1	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
3	DTE2453403010236	Hứa Thu Thủy	27/04/2006	K21 - Kế toán 1	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
4	DTE2453403010331	Đinh Thanh Trúc	14/12/2006	K21 - Kế toán 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
5	DTE2453403010032	Triệu Lương Chúc	02/07/2006	K21 - Kế toán 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
6	DTE2453403010040	Ma Thị Mỹ Duyên	04/04/2006	K21 - Kế toán 2	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
7	DTE2453403010278	Tần Pao Mây	18/05/2005	K21 - Kế toán 2	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
8	DTE2453403010344	Hoàng Thị Quỳnh	27/01/2006	K21 - Kế toán 2	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
9	DTE2453403010018	Bùi Minh Ánh	07/07/2006	K21 - Kế toán 3	KHUYET TAT	100%	1.398.000	5	6.990.000	
10	DTE2453403010026	Bùi Thị Hà Châu	15/07/2006	K21 - Kế toán 3	MCCM	100%	1.398.000	5	6.990.000	
11	DTE2453403010034	Hoàng Thị Thanh Diệp	20/03/2006	K21 - Kế toán 3	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
12	DTE2453403010341	Nông Thị Hoài	20/02/2006	K21 - Kế toán 3	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
13	DTE2453403010095	Triệu Thị Thu Huyền	28/09/2006	K21 - Kế toán 3	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
14	DTE2453403010280	Lý Huyền Na	12/11/2006	K21 - Kế toán 3	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ miễn, giảm	Số tiền học phí/tháng (đ)	Số tháng miễn giảm	Số tiền (đ)	Ghi chú
15	DTE2453403010308	Lý Thị Quỳnh Như	14/03/2006	K21 - Kế toán 3	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
16	DTE2453403010315	Linh Thị Vượng	19/07/2005	K21 - Kế toán 3	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
17	DTE2453403010253	Lê Thị Yến	15/02/2006	K21 - Kế toán 3	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
18	DTE2453403010061	Long Thị Hạnh	24/06/2006	K21 - Kế toán 4	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
19	DTE2453403010143	Hoàng Văn Luân	05/04/2006	K21 - Kế toán 4	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
20	DTE2453403010151	Phạm Thị Mai	27/05/2006	K21 - Kế toán 4	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
21	DTE2453403010235	Lý Thu Thùy	24/07/2006	K21 - Kế toán 4	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
22	DTE2453403010248	Nông Minh Trang	16/08/2006	K21 - Kế toán 4	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
23	DTE2453403010058	Ma Thị Diễm Hằng	27/10/2006	K21 - Kế toán 5	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
24	DTE2453403010075	Hoàng Thị Thu Hoài	10/05/2006	K21 - Kế toán 5	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
25	DTE2453403010126	Nguyễn Phương Linh	04/12/2006	K21 - Kế toán 5	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
26	DTE2453403010141	Nguyễn Thanh Loan	01/02/2006	K21 - Kế toán 5	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
27	DTE2453403010147	Vũ Thị Cẩm Ly	29/04/2006	K21 - Kế toán 5	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
28	DTE2453403010154	Nguyễn Thị Xuân Mai	18/11/2006	K21 - Kế toán 5	CTB-BB	100%	1.398.000	5	6.990.000	
29	DTE2453403010157	Nông Thị Mơ	13/12/2006	K21 - Kế toán 5	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
30	DTE2453403010322	Nông Trúc Quỳnh	26/12/2006	K21 - Kế toán 5	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
31	DTE2453101010081	Hoàng Diệu Ly	28/08/2006	K21 - Kinh tế	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
32	DTE2453101010029	Hoàng Thị Ngân	21/10/2006	K21 - Kinh tế	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
33	DTE2453101010033	Doanh Thị Nguyễn	03/08/2003	K21 - Kinh tế	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ miễn, giảm	Số tiền học phí/tháng (đ)	Số tháng miễn giảm	Số tiền (đ)	Ghi chú
34	DTE2453101010070	Sầm Quang Tú	29/09/2006	K21 - Kinh tế	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
35	DTE2453101040016	Hứa Thành Nam	24/05/2006	K21 - Kinh tế đầu tư	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
36	DTE2453101040024	Nông Phương Thảo	03/02/2006	K21 - Kinh tế đầu tư	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
37	DTE2453101050019	Nguyễn Du	20/09/2005	K21 - Kinh tế phát triển	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
38	DTE2453801070152	Hoàng Thanh Bình	27/02/2006	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
39	DTE2453801070154	Sùng Huyền Chi	30/07/2006	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
40	DTE2453801070155	Bồn Văn Dầu	08/09/1997	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
41	DTE2453801070173	Mua Thị Hằng	14/06/2006	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
42	DTE2453801070158	Nguyễn Văn Hưng	19/09/2006	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
43	DTE2453801070159	Vàng Thị Hường	27/09/2003	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
44	DTE2453801070160	Lò Văn Liên	12/09/2006	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
45	DTE2453801070161	Giảng Thị Loan	23/05/2006	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
46	DTE2453801070162	Nguyễn Đức Mậu	09/09/2006	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
47	DTE2453801070164	Chu Thị Nguyên	10/02/2005	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
48	DTE2453801070165	Nguyễn Thị Nhoi	08/05/2002	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
49	DTE2453801070184	Thào Mí Pó	22/02/2005	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
50	DTE2453801070167	Lò Văn Quý	02/01/2006	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
51	DTE2453801070168	Hoàng Thị Thảo	21/07/2006	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
52	DTE2453801070186	Vương Tiến Thu	13/03/2005	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ miễn, giảm	Số tiền học phí/tháng (đ)	Số tháng miễn giảm	Số tiền (đ)	Ghi chú
53	DTE2453801070170	Mua Thị Út	29/08/2006	K21 - Luật kinh tế 05	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
54	DTE2453801070019	Trương Bích Diệp	28/10/2006	K21 - Luật kinh tế 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
55	DTE2453801070043	Hoàng Phi Hùng	13/10/2006	K21 - Luật kinh tế 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
56	DTE2453801070059	Trương Thị Cẩm Ly	21/01/2006	K21 - Luật kinh tế 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
57	DTE2453801070178	Hoàng Thị Hồng Nhung	27/08/2006	K21 - Luật kinh tế 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
58	DTE2453801070078	Lục Như Quỳnh	11/02/2006	K21 - Luật kinh tế 1	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
59	DTE2453801070084	Bê Hoàng Trang	09/09/2006	K21 - Luật kinh tế 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
60	DTE2453801070003	Ma Thị Hoàng Anh	03/03/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
61	DTE2453801070004	Nguyễn Ngọc Ánh	25/08/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
62	DTE2453801070013	Trần Văn Biền	31/05/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
63	DTE2453801070121	Lý Pé Cà	20/04/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
64	DTE2453801070149	Nông Thị Ngọc Duyên	19/10/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
65	DTE2453801070176	Lương Quỳnh Dương	02/09/2003	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
66	DTE2453801070136	Nông Trung Hiếu	22/08/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
67	DTE2453801070111	Lương Xuân Hoàng	22/02/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
68	DTE2453801070046	Chu Thị Quỳnh Hương	14/04/2005	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
69	DTE2453801070125	Lý Lý Phạ	08/04/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
70	DTE2453801070119	Nông Thị Hồng Phương	28/10/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
71	DTE2453801070148	Chu Trung Thành	05/09/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ miễn, giảm	Số tiền học phí/tháng (đ)	Số tháng miễn giảm	Số tiền (đ)	Ghi chú
72	DTE2453801070087	Bùi Quốc Trung	25/09/2003	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
73	DTE2453801070093	Hạc Thị Uyên	02/05/2006	K21 - Luật kinh tế 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
74	DTE2453404040011	Hoàng Thị Ngọc Bình	28/03/2006	K21 - Quản trị nhân lực 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
75	DTE2453404040018	Lâm Thị Chính	07/03/2004	K21 - Quản trị nhân lực 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
76	DTE2453404040036	Nông Lan Hương	02/11/2004	K21 - Quản trị nhân lực 1	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
77	DTE2453404040048	Đặng Trung Kiên	25/07/2006	K21 - Quản trị nhân lực 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
78	DTE2453404040065	Diệp Thị Mai	11/12/2006	K21 - Quản trị nhân lực 1	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
79	DTE2453404040069	Nguyễn Hoài Nam	31/07/2006	K21 - Quản trị nhân lực 1	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
80	DTE2453404040079	Trần Bích Nhi	18/12/2006	K21 - Quản trị nhân lực 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
81	DTE2453404040150	Lý Thị Thu Oanh	28/09/2005	K21 - Quản trị nhân lực 1	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
82	DTE2453404040094	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	03/08/2006	K21 - Quản trị nhân lực 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
83	DTE2453404040101	Nông Thị Thúy	09/09/2006	K21 - Quản trị nhân lực 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
84	DTE2453404040111	Nguyễn Hoàng Vân	28/09/2006	K21 - Quản trị nhân lực 1	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
85	DTE2453404040118	Tô Tuấn Anh	06/08/2006	K21 - Quản trị nhân lực 2	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
86	DTE2453404040016	Lục Anh Chiến	19/06/2006	K21 - Quản trị nhân lực 2	BNN-TNLD	50%	1.398.000	5	3.495.000	
87	DTE2453404040017	Bùi Đức Chính	24/04/2006	K21 - Quản trị nhân lực 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
88	DTE2453404040024	Long Hồng Hà	02/12/2006	K21 - Quản trị nhân lực 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
89	DTE2453404040035	Nông Thị Thu Hường	17/05/2006	K21 - Quản trị nhân lực 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
90	DTE2453404040047	Nguyễn Trung Kiên	03/11/2006	K21 - Quản trị nhân lực 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ miễn, giảm	Số tiền học phí/tháng (đ)	Số tháng miễn giảm	Số tiền (đ)	Ghi chú
91	DTE2453404030003	Hà Thị Linh	16/12/2006	K21 - Quản lý công	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
92	DTE2453404030005	Đặng Thị Việt	24/10/2004	K21 - Quản lý công	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
93	DTE2453401200005	Triệu Ngọc Luyện	04/04/2006	K21 - Kinh doanh quốc tế	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
94	DTE2453401150087	Vi Thị Huệ	28/10/2005	K21 - Marketing 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
95	DTE2453401150097	Trương Công Huy	05/07/2006	K21 - Marketing 1	BNN-TNLD	50%	1.398.000	5	3.495.000	
96	DTE2453401150256	Dương Thị Phương Thảo	12/03/2006	K21 - Marketing 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
97	DTE2453401150225	Cao Thị Hải Yến	24/10/2006	K21 - Marketing 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
98	DTE2453401150068	Trần Thị Nam Hào	24/12/2005	K21 - Marketing 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
99	DTE2453401150074	Ma Thị Hiệp	06/01/2006	K21 - Marketing 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
100	DTE2453401150037	Hà Thị Bích Diệu	14/02/2006	K21 - Marketing 3	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
101	DTE2453401150154	Ma Thị Hương Nhung	26/06/2005	K21 - Marketing 3	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
102	DTE2453401150269	Lôi Tuấn Anh	23/04/2006	K21 - Marketing 4	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
103	DTE2453401150031	Nông Thị Yến Chi	26/03/2006	K21 - Marketing 4	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
104	DTE2453401150237	Phan Huyền Diệu	27/07/2006	K21 - Marketing 4	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
105	DTE2453401150135	Lường Xuân Mai	24/09/2006	K21 - Marketing 4	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
106	DTE2453401150252	Lý Minh Phương	24/12/2006	K21 - Marketing 4	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
107	DTE2453401150280	Lý Minh Quân	04/05/2006	K21 - Marketing 4	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
108	DTE2458101030008	Nông Tuấn Anh	02/12/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ DL&LH	DTTS-ĐBKK	70%	1.430.000	5	5.005.000	
109	DTE2458101030076	Đàm Thị Dung	10/03/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ DL&LH	DTTS-ĐBKK	70%	1.430.000	5	5.005.000	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ miễn, giảm	Số tiền học phí/tháng (đ)	Số tháng miễn giảm	Số tiền (đ)	Ghi chú
110	DTE2458101030012	Triệu Thị Trang Hà	02/04/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ DL&LH	DTTS-HN	100%	1.430.000	5	7.150.000	
111	DTE2458101030018	Tần Kim Hoán	21/03/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ DL&LH	DTTS-ĐBKK	70%	1.430.000	5	5.005.000	
112	DTE2458101030093	Triệu Thị Vân Hiền	12/04/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ DL&LH	DTTS-ĐBKK	70%	1.430.000	5	5.005.000	
113	DTE2458101030023	Lộc Văn Hùng	30/09/2003	K21 - Quản trị Dịch vụ DL&LH	DTTS-HN	100%	1.430.000	5	7.150.000	
114	DTE2458101030030	Hoàng Thị Nhật Lệ	01/01/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ DL&LH	DTTS-HCN	100%	1.430.000	5	7.150.000	
115	DTE2458101030031	Triệu Thị Liên	30/10/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ DL&LH	DTTS-HCN	100%	1.430.000	5	7.150.000	
116	DTE2458101030056	Phùng Thị Minh Thư	05/01/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ DL&LH	DTTS-ĐBKK	70%	1.430.000	5	5.005.000	
117	DTE2458101030062	Hoàng Thu Trang	14/08/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ DL&LH	DTTS-ĐBKK	70%	1.430.000	5	5.005.000	
118	DTE2458101030069	Triệu Thế Vinh	01/07/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ DL&LH	DTTS-ĐBKK	70%	1.430.000	5	5.005.000	
119	DTE2458101030071	Lý Hải Yên	17/02/2006	K21 - Quản trị Dịch vụ DL&LH	DTTS-HCN	100%	1.430.000	5	7.150.000	
120	DTE2458101030057	Nguyễn Ngọc Thu	09/03/2006	K21 - Quản trị DL & KS (Tiếng Anh)	DTTS-ĐBKK	70%	1.430.000	5	5.005.000	
121	DTE2453401010237	Lò Hoài Anh	06/05/2006	K21 - Quản trị kinh doanh (Tiếng Anh)	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
122	DTE2453401010042	Lưu Thị Thu Hà	12/06/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 1	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
123	DTE2453401010044	Hoàng Đức Hải	06/05/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 1	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
124	DTE2453401010230	Triệu Ngọc Hiền	30/12/2004	K21 - Quản trị Kinh doanh 1	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
125	DTE2453401010115	Lương Thành Nam	20/09/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
126	DTE2453401010132	Triệu Sinh Quân	08/10/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
127	DTE2453401010159	Nông Thị Thu Thuyền	30/10/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
128	DTE2453401010221	Nguyễn Thị Thanh Trà	14/09/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 1	CTB-BB	100%	1.398.000	5	6.990.000	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ miễn, giảm	Số tiền học phí/tháng (đ)	Số tháng miễn giảm	Số tiền (đ)	Ghi chú
129	DTE2453401010235	Châu Chí Vinh	05/03/2004	K21 - Quản trị Kinh doanh 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
130	DTE2453401010250	Nguyễn Việt Anh	23/07/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 2	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
131	DTE2453401010191	Hoàng Linh Chi	01/06/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
132	DTE2453401010033	Hạng Sào Dũng	21/10/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
133	DTE2453401010054	Bàn Thị Hiền	27/02/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 2	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
134	DTE2453401010064	Hoàng Thanh Hoan	27/10/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
135	DTE2453401010225	Lương Công Luân	28/01/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
136	DTE2453401010219	Triệu Tiến Tân	26/03/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
137	DTE2453401010231	Hoàng Hà Anh Thư	14/08/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 2	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
138	DTE2453401010161	Tần Chấn Ton	11/09/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 2	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
139	DTE2453401010065	Nguyễn Huy Hoàng	25/02/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
140	DTE2453401010213	Lò Việt Hùng	27/07/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
141	DTE2453401010227	Hà Thị Mai Hương	25/06/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
142	DTE2453401010106	Vừ Ngọc Long	25/05/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
143	DTE2453401010110	Liễu Thị Hồng Mến	04/02/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
144	DTE2453401010124	Đặng Hữu Nhật	21/06/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
145	DTE2453401010140	Lân Hồng Sinh	29/06/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
146	DTE2453401010150	Hoàng Trường Thịnh	08/11/2006	K21 - Quản trị Kinh doanh 3	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
147	DTE2453401150094	Nguyễn Thị Hường	23/12/2006	K21 - Quản trị Marketing (Tiếng Anh)	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ miễn, giảm	Số tiền học phí/tháng (đ)	Số tháng miễn giảm	Số tiền (đ)	Ghi chú
148	DTE2455106050014	Ma Thúy Bằng	13/12/2006	K21 - Logistics & QLCCU 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.463.000	5	5.120.500	
149	DTE2455106050163	Lương Thị Mai Chi	29/07/2006	K21 - Logistics & QLCCU 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.463.000	5	5.120.500	
150	DTE2455106050170	Đinh Thị Bích Duyên	24/05/2006	K21 - Logistics & QLCCU 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.463.000	5	5.120.500	
151	DTE2455106050165	Lương Tuấn Phương	12/11/2006	K21 - Logistics & QLCCU 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.463.000	5	5.120.500	
152	DTE2455106050021	Lý Văn Chiến	12/03/2004	K21 - Logistics & QLCCU 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.463.000	5	5.120.500	
153	DTE2455106050023	Nông Mạnh Cường	28/03/2005	K21 - Logistics & QLCCU 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.463.000	5	5.120.500	
154	DTE2455106050102	Ma Thị Thoa	10/01/2006	K21 - Logistics & QLCCU 2	DTTS-HCN	100%	1.463.000	5	7.315.000	
155	DTE2455106050119	Phùng Văn Tùng	19/02/2006	K21 - Logistics & QLCCU 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.463.000	5	5.120.500	
156	DTE2453402010162	Bàn Mùi Chuông	25/04/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
157	DTE2453402010048	Ngạc Thị Huệ	13/05/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
158	DTE2453402010070	Lường Thị Thảo Ly	17/12/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
159	DTE2453402010192	Đinh Long Nhật	20/05/2005	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
160	DTE2453402010093	Lý Thị Hồng Nhung	19/10/2005	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
161	DTE2453402010096	Bàn Thị Phần	26/11/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
162	DTE2453402010193	Phan Anh Tú	04/04/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
163	DTE2453402010117	Đinh Thị Thúy	10/08/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
164	DTE2453402010164	Phương Thị Tuế	25/07/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
165	DTE2453402010165	Vàng Thị Xây	15/06/2004	K21 - Tài chính - Ngân hàng 1	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
166	DTE2453402010051	Vũ Thu Hường	26/12/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 2	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ miễn, giảm	Số tiền học phí/tháng (đ)	Số tháng miễn giảm	Số tiền (đ)	Ghi chú
167	DTE2453402010197	Hà Thị Phương Liên	27/08/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 2	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
168	DTE2453402010109	Hoàng Phương Thảo	27/07/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
169	DTE2453402010150	Hoàng Minh Thu	27/09/2006	K21 - Tài chính - Ngân hàng 2	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
170	DTE2453402010183	Giàng A Cừ	12/01/2005	K21 - Tài chính - Ngân hàng 3	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
171	DTE2453402010181	Nông Ngọc Hải	13/02/2003	K21 - Tài chính - Ngân hàng 3	DTTS-HCN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
172	DTE2453402010074	Đình Công Minh	05/09/2004	K21 - Tài chính - Ngân hàng 3	DTTS-ĐBKK	70%	1.398.000	5	4.893.000	
173	DTE2453402010095	Chu Thị Niên	01/01/2005	K21 - Tài chính - Ngân hàng 3	DTTS-HN	100%	1.398.000	5	6.990.000	
									977.320.500	

Số tiền bằng chữ:

Chín trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm hai mươi ngàn năm trăm đồng chẵn

Ấn định danh sách 173 sinh viên

Miễn 100%	62	sinh viên
Giảm 70%	109	sinh viên
Giảm 50%	2	sinh viên
Tổng cộng	173	sinh viên

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

DTTS-HCN	Dân tộc thiểu số hộ cận nghèo
DTTS-ĐBKK	Dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn
DTTS-HN	Dân tộc thiểu số hộ nghèo
CTB-BB	Con thương binh, bệnh binh
BNN-TNLD	Con của người mắc bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động
MCCM	Mồ côi Cha Mẹ